

MỘT SỐ CÁCH THỨC GIẢNG DẠY TỪ CHUYỂN LOẠI TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

● Võ Thị Ngọc Ân*

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Chuyển từ loại là một hiện tượng mà hầu như ngôn ngữ nào cũng có. Bài viết trình bày và đối sánh về việc chuyển từ loại trong hai ngôn ngữ khác loại hình là tiếng Việt và tiếng Anh đồng thời gợi mở một số cách thức nhằm giảng dạy các từ chuyển từ loại cho người nước ngoài - đặc biệt là người bản ngữ tiếng Anh, học tiếng Việt và ngược lại; giúp gia tăng vốn từ vựng cho người học cũng như tăng cường kỹ năng phân tích từ vựng - ngữ nghĩa, từ vựng, cú pháp trong quá trình học tập, giảng dạy tiếng Việt và tiếng Anh như một ngoại ngữ.

Từ khóa: từ chuyển loại tiếng Việt, từ chuyển loại tiếng Anh, dạy từ chuyển loại, chuyển loại hoàn toàn, chuyển loại tương đối

SOME TECHNIQUES OF TEACHING CONVERSION WORDS IN VIETNAMESE AND ENGLISH

● Vo Thi Ngoc An

ABSTRACT

Conversion words is a common phenomenon in many languages in the world. This article presents and compares the conversion words in two different language types - Vietnamese and English, and suggests some ways in teaching conversion words for foreigners learning Vietnamese - especially native English speakers, and vice versa. Additionally, the article aids to increase vocabulary for learners as well as strengthen the skills of lexical-semantic and lexical-syntactic analysis in the process of learning and teaching Vietnamese and English as a foreign language.

Keywords: vietnamese conversion words, English conversion words, teaching conversion words, complete conversion, approximate conversion

1. TỔNG QUAN

Từ chuyển loại là những từ có cùng một hình thức ngữ âm, có liên hệ về mặt ngữ nghĩa nhưng lại khác nhau về mặt cú pháp. Điều này gây trở ngại nhất định trong việc nhận diện từ khi học và dạy ngoại ngữ. Tiếng Việt và tiếng Anh đều có một số lượng từ vựng khá lớn được cấu tạo bằng phương thức chuyển từ loại và đều được hình thành bởi hai cấp độ chuyển loại: chuyển loại hoàn toàn và chuyển loại tương đối.

2. TỪ CHUYỂN LOẠI HOÀN TOÀN

Đối với từ chuyển loại hoàn toàn, giáo viên (GV) cần làm rõ cho học viên (HV) biết từ thuộc từ loại nào thông qua khả năng kết hợp ngữ nghĩa từ vựng và khả năng kết hợp cú pháp của từ trong ngữ cảnh cụ thể. Nói cách khác, GV cần giải thích cho HV các phương thức xác định ngữ

* Tác giả liên hệ: ThS.NCS. Võ Thị Ngọc Ân, Email : anvongoc0606@gmail.com

(Ngày nhận bài: 9/10/2022; Ngày nhận lại bản sửa: 16/10/2022; Ngày duyệt đăng: 1/11/2022)

nghĩa của từ chuyển loại (phương thức phân tích từ chuyển loại theo ngữ cảnh, phương thức dùng trọng âm và phân đoạn câu, phương thức dùng dấu câu), từ đó HV hiểu và vận dụng được từ chuyển loại trong ngữ cảnh cụ thể, như các ví dụ sau:

(1) I saw her duck. Câu này có hai cách phân tích từ loại của duck: duck được phân tích là động từ (ĐT) thì có nghĩa là lặn ngụp, còn được phân tích là danh từ (DT) thì có nghĩa là con vịt. Như vậy, tùy theo ngữ cảnh mà ta chọn từ loại của duck.

(2) They are eating apples. Ở đây, eating có thể được phân tích như tính từ (TT), có nghĩa là một loại táo dùng để nấu ăn hoặc ĐT, có nghĩa là đang ăn táo.

(3) Xe con hỏng rồi. Trong câu này, con có thể là DT chỉ người hoặc có thể là TT chỉ kích thước nhỏ bé.

(4) Yêu nhau cởi áo cho nhau (dân ca). Từ cho trong câu (4) có thể là kết từ hoặc ĐT, và có hai cách diễn dịch là Yêu nhau cởi áo giúp nhau hoặc Yêu nhau cởi áo tặng nhau.

Nghĩa là GV cần phải giúp HV nhận ra câu có thể hiểu theo hai nghĩa do từ chuyển loại và chỉnh lại câu cho chính xác, như sau:

(5) a. Đà Nẵng: sét đánh một người chết (tựa báo, dt vietbao.vn) và b. Đà Nẵng: sét đánh chết một người. Từ chết trong câu (5a) có thể là phụ từ (bổ nghĩa cho ĐT đánh thể hiện kết quả), hoặc có thể là TT (làm định ngữ cho danh ngữ một người). Do vậy, để hiểu câu này theo một nghĩa duy nhất, ta có thể chỉnh sửa lại như câu (5b).

Sau đây là các nhóm từ chuyển loại hoàn toàn mà GV cần lưu ý khi dạy tiếng:

2.1. Từ chuyển loại hoàn toàn trong tiếng Việt

2.1.1. Chuyển loại giữa danh từ và động từ

(6) a. Mùa này chợ búa₁ khan hiếm, tôm cá đánh về bán được giá. (Đêm long diên hương - Bích Du) và b. Bà ấy bây giờ chỉ làm ruộng chứ có chợ búa₂ gì nữa đâu!

Ở ví dụ (6), GV cần giúp HV phân biệt từ nào là DT và từ nào là ĐT: chợ búa₁ là DT. Còn chợ búa₂ là ĐT chỉ hoạt động hành nghề mua bán/kinh doanh ở chợ.

Đối với một số từ chuyển loại theo hướng hoán dụ, GV có thể giải thích cho HV theo hướng này. Chẳng hạn:

(7) Tôi không vợ con gì với nó. [1, tr.180]

(8) Thôi chú đừng lý thuyết nữa... [2, tr.90].

(9) a. Bước₁ tới Đèo Ngang, bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa. (Trích Qua đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

b. Từng bước₂ từng bước₂ thềm

Hoa vòng rừng tuyết trắng (Trích Những bước chân âm thầm - Y Vân)

Ở ví dụ (9), bước₁ là DT, bước₂ là ĐT.

2.1.2. Chuyển loại giữa danh từ và tính từ

ĐT chuyển hóa sang TT thường theo phép ẩn dụ. Ví dụ:

(10) a. Bao giờ cho khỉ₁ đeo hoa, cho voi đánh sập, cho gà nhuộm răng (Ca dao tục ngữ)

b. Thi thể mà cũng thi!

Ới khỉ₂ ơi là khỉ₂!” (Trích Than sự thi - Tú Xương)

Ở ví dụ (10), DT khỉ₁ chỉ loài vật có tính cách tò mò, tinh quái, hay quấy rối, thích đùa giỡn, có thể chuyển thành TT khỉ₂ nhằm chỉ tính cách đáng buồn cười, đáng bực mình (đồ khỉ/đồ khỉ

gió, thăng khí,...).

Nhìn chung, những TT được tạo thành từ DT thường chứa đựng những sắc thái biểu cảm, đánh giá rất rõ rệt trong ý nghĩa của chúng (so sánh: “Hấn xảo quyết và ranh mãnh lắm” → Hấn cáo già lắm.).

Như vậy, bằng con đường chuyển loại, tiếng Việt có thêm những phương tiện khác nhau để thể hiện một đặc điểm, một thuộc tính trừu tượng thông qua những cái cụ thể hơn, dễ cảm thụ hơn và giàu hình ảnh hơn [3, tr.183-184].

Phần lớn TT chuyển loại thành DT là TT biểu thị phẩm chất, đặc điểm của người, vật, hiện tượng được dùng để biểu thị DT chỉ người, vật, hiện tượng có phẩm chất hoặc đặc điểm đó.

Cần phân biệt hiện tượng chuyển loại đã ổn định với hiện tượng chuyển loại có tính lâm thời, chưa ổn định. Chẳng hạn:

(11) Nón rất Huế nhưng đòi không phải thể (Trích Tạm biệt - Thu Bồn),

(12) “Ta là ai mà còn trần gian thể” (Trích Tôi ơi, đừng tuyệt vọng - Trịnh Công Sơn). DT Huế và trần gian lâm thời được chuyển loại sang TT.

2.1.3. Chuyển loại giữa động từ và tính từ

(13) a. Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy₁

Mất ổ bầy chim dáo dác bay (Trích Chạy giặc - Nguyễn Đình Chiểu)

b. Những ngày sắp Tết hàng bán rất chạy₂.

Trong ví dụ (13), chạy₁ là ĐT, Còn chạy₂ là TT chỉ việc bán hàng nhanh, thuận lợi, có nhiều người mua.

2.1.4. Chuyển loại giữa danh từ và hư từ

Có những thực từ tiếng Việt qua quá trình ngữ pháp hóa đã trở thành hư từ (HT). Chẳng hạn, ĐT chỉ hướng vận động như ra, vào, lên, xuống, về, lại, sang, qua... hoặc những từ chỉ vị trí như ở, trên, trong, trước, giữa, cạnh, bên... được sử dụng với tư cách của quan hệ từ hay phó từ/giới từ. Việc thực từ chuyển sang HT là xu thế chung của nhiều loại ngôn ngữ, như ví dụ sau:

(14) Quan niệm lắm con nhiều của₁ của₂ người xưa không còn phù hợp với ngày nay. Ở ví dụ (14), của₁ là DT chỉ tài sản, còn của₂ là kết từ chỉ quan hệ sở hữu.

2.1.5. Chuyển loại giữa động từ và hư từ

Từ nên₁ trong ví dụ (15) là ĐT có nghĩa là thành công, thành đạt, còn nên₂ là kết từ biểu thị mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả:

(15) a. Dù em nên₁ vợ nên₁ chồng

Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên! (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

b. Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,

Nên₂ bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời (Trích Vội vàng - Xuân Diệu)

2.2. Từ chuyển loại hoàn toàn trong tiếng Anh

2.2.1. Chuyển loại giữa danh từ và động từ

Trong tiếng Anh, một số ĐT chuyển thành DT, chẳng hạn DT access (truy cập) thành DT như trong access the file (truy cập các tập tin); host_n (chủ nhà) thành host_v a party (tổ chức/“làm chủ” một bữa tiệc).

Trong nhiều trường hợp việc sử dụng các ĐT được chuyển loại ngắn gọn hơn so với DT, chẳng hạn như ví dụ sau:

(16) a. John hit the nail with the hammer → John hammered the nail.

b. I will put the canoe up on the beach → I will beach the canoe. [4, tr.277]

Ở dạng chuyển loại này, GV cần chú ý những vấn đề sau để giải thích cho HV:

i) Trong quá trình chuyển loại, từ được chuyển loại có thể được diễn giải bằng cách tham chiếu từ gốc; chẳng hạn từ cheat_n (kẻ lừa bịp) = someone who cheats_v (lừa bịp); stop_n (ga/bến đỗ) = a place where one stops_v (dừng lại/đỗ lại). Việc sử dụng các ĐT được chuyển loại ngắn gọn hơn so với DT. Chẳng hạn, bottle water ngắn gọn hơn so với to put/pour water in bottles.

ii) Theo quan điểm ngữ pháp chức năng, có thể diễn giải quá trình chuyển loại ở một số DT như sau: Công cụ (instrument) thay cho hành động (action): to ski, to shampoo (one's hair); Tác thể (agent) thay cho hành động (action): to butcher (a cow), to author (a book); Đối tượng (object) liên quan đến hành động thay cho hành động (action): to blanket (the bed); Hành động (action) thay cho đối tượng liên quan đến hành động (action): (give me one) bite. [5, tr.54-55]; v.v...

Trong nhiều trường hợp, quan điểm này giải thích rõ ràng và có sức thuyết phục về hiện tượng chuyển loại. Quan sát các ví dụ:

(17a) John hit the nail with the hammer: vai công cụ (the hammer) là thành tố nổi trội nhất trong sự tình, vì vậy nó thay thế cho chính sự tình, và kết quả là ta có biểu đạt (17b) John hammered the nail (John đóng đinh (bằng búa)).

(18a) I will put the canoe up on the beach trở thành (18b) I will beach the canoe (Tôi neo đậu chiếc xuồng máy trên bãi biển) vì câu (18a) có đích (the beach) là thành phần nổi trội nhất trong khung sự tình.

Thông thường, khi ĐT chuyển thành DT thì các DT chuyển loại này có thể được sử dụng với have (có), take (lấy), make (thực hiện), give (cho).

(19) a. The Earth turns_v on its axis once every 24 hours. (Trích dictionary.cambridge.org)
(Trái đất quay quanh trục của nó 24 giờ một lần).

b. We take turns_n to answer the phone. (Trích dictionary.cambridge.org)
(Chúng tôi thay phiên nhau trả lời điện thoại).

Cần chú ý là có một số dạng chuyển loại khá đặc biệt từ trợ ĐT (auxiliary verb) sang DT như ví dụ sau:

(20) If you live in the country a car is a must_n (Trích dictionary.cambridge.org)
(Nếu anh sống ở nông thôn thì xe hơi là thứ phải có).

Ở ví dụ trên, must là DT được chuyển loại từ trợ ĐT, có nghĩa là thứ mà chúng ta phải làm, xem, mua, có....

2.2.2. Chuyển loại giữa danh từ và tính từ

Có một số DT chuyển loại sang TT như orange_n (trái cam) → orange_{adj} (có màu cam), rose_n (hoa hồng) → rose_{adj} (có màu hồng),...

(21) The setting sun filled the sky with a deep orange_{adj} glow (Trích dictionary.cambridge.org)

(Ráng chiều nhuộm cam cả bầu trời).

Có một số TT có khả năng chuyển loại thành DT: comic_{adj} (khôì hài) → comic(s)_n (diễn viên hài), classic_{adj} (kinh điển) → classic(s)_n (tác giả/tác phẩm kinh điển), ...

2.2.3. Chuyển loại giữa động từ và tính từ

Từ được chuyển loại có thể được diễn giải bằng cách tham chiếu đến từ gốc; chẳng hạn to clean (V) = to make something clean; to empty = to make something empty.

2.2.4. Chuyển loại giữa danh từ và hư từ

Giới từ có thể chuyển loại tương đối sang DT như trong ví dụ sau:

(22) Life is full of constant ups_n and downs_n, and all I ask for is redemption in the end. (Robin Thicke)

(Cuộc đời luôn đầy những thăng trầm không ngơi nghỉ, và tất cả tôi mong muốn là sự cứu rỗi sau cùng).

Liên từ có thể chuyển loại tương đối sang DT:

(23) The “If_n” is always discouraging. (Cái “nếu”/ “Sự không chắc chắn” bao giờ cũng làm (người ta) nản lòng). Ở ví dụ này, If là DT có nghĩa là cái “nếu”, sự không chắc chắn, sự giả dụ.

3. TỪ CHUYỂN LOẠI TƯƠNG ĐỐI

Ở hiện tượng chuyển loại tương đối, ĐT (hoặc TT) chuyển sang DT thì có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Tiếng Việt cần thêm một “từ đầu”/“yếu tố ngữ pháp chuyên dùng” (đây là điều gây khó khăn cho học viên bản ngữ tiếng Anh học tiếng Việt); còn tiếng Anh thì đa dạng hơn như thêm phụ tố, chuyển âm/trọng âm trong từ (đây là điều gây khó khăn cho học viên người Việt học tiếng Anh).

3.1. Từ chuyển loại tương đối trong tiếng Việt

3.1.1. Chuyển loại giữa động từ và danh từ

Có một số lượng khá lớn ĐT chuyển hóa thành DT, theo kiểu chuyển loại tương đối. Ở đây, ĐT kết hợp với từ đầu cái (cái lo, cái ăn, cái mặc,...) sự (sự đi lại, sự hy sinh, sự giải phóng,...); việc (việc học tập, việc nghỉ ngơi,...), cuộc (cuộc sống, cuộc đấu tranh,...), niềm (niềm tin,...), nỗi (nỗi nhớ,...), lòng (lòng yêu nước,...), v.v...

Đây là những DT dùng để chỉ khái niệm trừu tượng có nguồn gốc ĐT (hoặc TT). Điểm đặc biệt của loại DT này là tính chất lỏng lẻo của quan hệ giữa các bộ phận cấu tạo từ. Loại DT này được tạo ra bằng cách kết hợp các hình vị có ý nghĩa ngữ pháp với ĐT hoặc TT để chuyển từ loại của từ.

Cần lưu ý là hiện nay, những từ như sự, việc, cái, ... được nhiều nhà Việt ngữ học xem là DT chỉ loại. Tuy nhiên, ở đây, để dễ dàng cho việc dạy tiếng, chúng tôi chấp nhận chúng như là yếu tố tạo từ mà một số nhà Việt ngữ học khác gọi là từ đầu/yếu tố ngữ pháp chuyên dùng.

3.1.2. Chuyển loại giữa danh từ và tính từ

Tương tự như trên, một số TT có thể chuyển loại thành DT theo kiểu chuyển loại tương đối kết hợp với từ cái (cái đẹp, cái hay, cái tốt), sự (sự khỏe mạnh, sự mệt nhọc, sự trong trắng,...), niềm (niềm vui, niềm hạnh phúc,...), nỗi (nỗi buồn, nỗi khổ đau,...), tính (tính sáng tạo, tính cần cù,...), lòng (lòng nhân đạo, lòng vị tha,...), những (những vui sướng, những đắng cay tủi nhục,...), v.v..

Ở kiểu chuyển loại này, GV cần trình bày cho HV một cách hệ thống các kết hợp giữa yếu tố tạo từ/từ đầu với ĐT (hoặc TT) tương ứng.

3.2. Từ chuyển loại tương đối trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh, hiện tượng chuyển loại tương đối giữa ĐT (hoặc TT) sang DT rất đa dạng (như thêm phụ tố, chuyển âm/trọng âm trong từ) gây nhiều khó khăn cho học viên người Việt học tiếng Anh, chẳng hạn:

- Chuyển đổi phụ âm cuối, ví dụ: /-s/, /-f/ và /-θ/ tương ứng thành /-z/, /-v/ và /-ð/: advice → advise, thief → thief, breath → breathe, ...

- Chuyển đổi nguyên âm, ví dụ: *breath* (n) /breθ/ → *breathe* (v) /bri:ð/; *bath* (n) /bæθ/ → *bathe* (v) /beɪð/, ...

3.2.1. Từ chuyển loại có sự chuyển đổi âm

Đối với từ chuyển loại tiếng Anh có sự chuyển đổi âm (thường là phụ âm cuối) hoặc trọng âm, GV cần lưu ý cho HV phát âm đúng và giúp HV nhận ra được quy tắc biến đổi. Chẳng hạn như (24) *The painter's use of colors is perfect* và (25) *He did not use his employees with much consideration*; trong ví dụ (24) *use* là DT, phát âm là /ju:s/ (phụ âm cuối vô thanh), còn trong ví dụ (25) *use* là ĐT, phát âm là /ju:z/ (phụ âm cuối hữu thanh). Còn đối với trường hợp chuyển đổi trọng âm, GV nên nhắc nhở HV phải đặt trọng âm cho đúng với từ loại: *to in'vite* và *an 'invite*.

Ở hiện tượng chuyển loại tương đối, việc chuyển di từ ĐT sang DT có sự chuyển đổi âm như sau:

- Chuyển đổi trọng âm: trọng âm thường được chuyển từ âm tiết thứ hai sang âm tiết thứ nhất để hình thành DT như ĐT *escort_v* (hộ tống) /ɪ'skɔ:t/ → DT *escort_n* (sự hộ tống) /'eskɔ:t/, *abstract_v* (tóm tắt) /æb'strækt/ → *abstract_n* (bản tóm tắt) /'æbstrækt/, *discount_v* (chiết khấu) /dis'kaʊnt/ → *discount_n* (lãi chiết khấu) /'diskaʊnt/, *increase_v* (gia tăng) /ɪn'kri:s/ → *increase_n* (sự gia tăng) /'ɪnkri:s/, *survey_v* (lập bản đồ) /sə'veɪ/ → *survey_n* (bản đồ địa hình) /'sɜ:veɪ/, ...

- Có nhiều động TT (participle) chuyển đổi thành DT như *given* (phân từ của ĐT *give_v*) → a *given_n*, ... Xem ví dụ sau:

(26) a. They were to meet at a *given_p* time and place.

(Họ đã gặp nhau vào thời gian và địa điểm định sẵn).

b. It's a *given_n* that television viewers are influenced by advertising, even consciously or subconsciously.

(Một điều chắc chắn rằng những người xem truyền hình đều bị quảng cáo ảnh hưởng, cho dù ý thức hay vô thức).

3.2.2. Từ chuyển loại có thêm phụ tố

Đối với từ chuyển loại cần thêm phụ tố, GV cần giới thiệu các loại phụ tố cấu tạo từ cho HV.

(i) ĐT chuyển thành DT: từ được chuyển di từ DT sang ĐT có thể ghép thêm phụ tố, hoặc chuyển đổi âm/trọng âm, chẳng hạn: hậu tố -er là hậu tố có khả năng sản sinh (productive) rất cao để tạo DT từ ĐT: *work* → *worker*, *play* → *player*; hoặc hậu tố -ee kết hợp với ĐT để tạo DT như là bộ ngữ của động, chẳng hạn *appointee* (người được bổ nhiệm), *payee* (người được trả tiền).

(ii) DT chuyển thành TT: việc chuyển di từ DT sang TT có thể ghép thêm phụ tố, chuyển đổi âm (phụ âm cuối hoặc/và nguyên âm) hoặc chuyển đổi trọng âm, chẳng hạn: Ghép thêm phụ tố: vd. *environment_n* (môi trường) → *environmental_{adj}* (thuộc môi trường), ...; đồng thời việc thay đổi trọng âm ở các từ này cũng khá phổ biến: *dialect_n* → *dia'lectal_{adj}*, *parent_n* → *pa'rental_{adj}*, *origin_n* → *o'riginal_{adj}*, *residue_n* → *re'sidual_{adj}*, ...

(iii) TT thành DT: TT khi chuyển sang DT bằng cách thêm hậu tố như -ness, -th, -ed, ... để tạo thành DT và DT này thường mang nghĩa “có tính (chất) A” với A là nghĩa của TT được phái sinh. Chẳng hạn như *sad_{adj}* (buồn) → *sadness_n* (nỗi buồn), *warm_{adj}* (ấm áp) → *warmth_n* (sự ấm áp), *illustrated_{adj}* (thuộc tranh ảnh) → *illustrated_n*, ... Cần chú ý là tiếng Anh hiện đại số hậu tố khác như -th, vd. *warmth* (sự ấm áp) hầu như không còn được dùng trong quá trình cấu tạo từ. Điều này có nghĩa là hậu tố -ness có tính sản sinh cao hơn hậu tố -th, [6, tr.44].

(iv) ĐT thành TT: Phần lớn các ĐT (mang nghĩa từ vựng) đều có hiện tại phân từ (present participle) và quá khứ phân từ (past participle) và các dạng này có thể chuyển loại thành TT.

Dạng hiện tại phân từ chuyển loại thành TT biểu thị ý nghĩa chủ động, vd. hiện tại phân từ boring của ĐT bore (làm chán) được chuyển loại thành TT trong a boring_{adj} film (một bộ phim tẻ nhạt); còn dạng quá khứ phân từ biểu thị ý nghĩa thụ động, vd. quá khứ phân từ bored của ĐT bore được chuyển loại thành TT trong He is bored_{adj} (Anh ta thấy chán). [7, tr.1644]. Xem ví dụ sau:

(27) a. “Am I boring you?” she asked anxiously.

(Em khiến anh chán lắm phải không?” cô lo lắng hỏi).

b. The film was so boring_{adj} I fell asleep. (Trích oxforddictionaries.com)

(Bộ phim chán đến mức tôi đã ngủ thiếp đi).

3.2.3. Từ chuyển loại có thêm từ đầu/từ bổ nghĩa

(i) TT thành DT: TT khi chuyển sang DT theo các trường hợp sau: Thêm từ bổ nghĩa để tạo thành DT, chẳng hạn TT được chuyển thành DT chỉ người như the poor người nghèo, the rich (người giàu), the blind (người mù), the deaf (người điếc),...; hoặc chỉ trạng thái/màu sắc như the dark (bóng tối), the red (màu đỏ), the blue (màu xanh),... Kiểu chuyển loại này khá phổ biến trong tiếng Anh. Xét ví dụ sau:

(28) The homeless sometimes have to sleep in the streets (dictionary.cambridge.org)

(Người vô gia cư đôi khi phải ngủ ngoài đường.)

Ở ví dụ (28), TT homeless (vô gia cư) chuyển thành DT có nghĩa là những người vô gia cư.

(ii) Trạng từ thành DT:

(29) The inside of the box is blue. Ở ví dụ này, inside (trạng từ) được sử dụng như DT the inside.

(iii) Giới từ thành DT: Giới từ có thể chuyển loại tương đối sang DT như trong the ups and downs (“những thăng trầm trong cuộc đời”).

3.2.4. Lưu ý trong giảng dạy danh từ tiếng Anh chuyển loại từ động từ

Tiếng Anh có nhiều hậu tố phái sinh gắn vào từ gốc để tạo ra từ mới trong quá trình chuyển loại tiếng Anh. Nhiều HV người Việt bị ảnh hưởng bởi quy tắc này, có xu hướng thêm hậu tố khi tạo thành một từ mới và tạo ra các câu sai như sau:

(30) *She chased the stealer for 100 yards. HV đã thêm hậu tố er vào ĐT steal thành stealer mà không biết rằng tiếng Anh không có từ này; GV cần cho HV biết là phải thay thế nó bằng thief.

(31) *My brother is a famous cooker. HV đã thêm hậu tố -er vào ĐT cook thành cooker theo mặc định nghĩa của từ này là đầu bếp (người làm nghề nấu ăn), trong khi cooker có nghĩa là nồi cơm điện; GV cần cho HV biết là phải thay thế nó bằng chef.

(32) *There is begger sleeping on the pavement. HV đã thêm hậu tố -er vào ĐT beg thành begger mà không biết rằng ĐT beg (ăn xin) “ DT beggar (người ăn xin). Tương tự: lie_v “ liar_n; GV cần cho HV biết về sự ngoại lệ này.

Việc nhầm lẫn giữa hậu tố -er và -or khi thêm vào ĐT để tạo thành một DT mới cũng khá phổ biến đối với người học tiếng Anh, chẳng hạn như:

(33) *An offerer is the master of his offer.

(34) *He worked as a military recruitor in this city.

Ở ví dụ (33) thay vì thêm hậu tố -or vào ĐT offer để tạo DT offeror thì HV đã nhầm lẫn khi thêm hậu tố -er. Còn ở ví dụ (34), thay vì thêm hậu tố -er vào ĐT recruit để tạo thành DT recruiter

thì HV đã nhầm lẫn khi thêm hậu tố -or; GV cần lưu ý cho học viên về những ngoại lệ này.

Tương tự, HV có thể thêm hậu tố -ly vào TT để tạo nên trạng từ và có thể tạo câu sai như (35)
*The accident was caused by people driving too fastly in bad conditions. Ở đây, câu đúng là The accident was caused by people driving too fast in bad conditions. Ngược lại, cũng có HV người Việt nhiều khi không thêm phụ tố cho những từ chuyển loại do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (tất cả từ chuyển loại đều không thay đổi dạng thức). GV cần lưu ý cho SV biết những lỗi sai nêu trên.

4. KẾT LUẬN

Trong việc dạy tiếng Anh cho người Việt hoặc tiếng Việt cho người bản ngữ tiếng Anh, đối với từ chuyển loại, có một số lưu ý cần quan tâm. Thứ nhất, đối với từ chuyển loại hoàn toàn, GV cần giải thích cho HV các phương thức xác định ngữ nghĩa của từ chuyển loại, từ đó HV hiểu và vận dụng một cách chính xác, khéo léo từ chuyển loại trong ngữ cảnh cụ thể. Thứ hai, đối với một số từ chuyển loại theo hướng hoán dụ, GV có thể giải thích cho HV theo hướng này. Ở đây cần phân biệt hiện tượng chuyển loại đã ổn định với hiện tượng chuyển loại có tính lâm thời, chưa ổn định. Thứ ba, ở hiện tượng chuyển loại tương đối từ ĐT (hoặc TT) sang DT, có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh: tiếng Việt cần thêm một “từ đầu”/“yếu tố ngữ pháp chuyên dùng” (đây là điều gây khó khăn cho học viên bản ngữ tiếng Anh học tiếng Việt); còn tiếng Anh thì đa dạng hơn như thêm phụ tố, chuyển âm/trọng âm trong từ (đây là điều gây khó khăn cho học viên người Việt học tiếng Anh). Thứ tư, đối với từ chuyển loại tiếng Anh có sự chuyển đổi âm (nguyên âm/phụ âm cuối) hoặc trọng âm, GV cần lưu ý cho HV (người Việt) phát âm đúng và giúp HV nhận ra được quy tắc biến đổi và nhắc nhở HV phải đặt trọng âm cho đúng với từ loại. Bên cạnh đó, đối với từ chuyển loại có ghép thêm hậu tố, tiếng Anh có nhiều hậu tố phái sinh gắn vào từ gốc để tạo ra từ mới. Nhiều HV người Việt bị ảnh hưởng bởi quy tắc này, có xu hướng thêm hậu tố khi tạo thành một từ mới và dẫn đến câu sai. Ngược lại, cũng có HV người Việt nhiều khi không thêm phụ tố cho những từ chuyển loại do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (tất cả từ chuyển loại đều không thay đổi dạng thức). GV cần lưu ý cho HV biết những lỗi sai nêu trên và phải thay thế từ sai bằng từ có hình thức đúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Kim Thản, Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, Nxb Giáo dục, 1997.
- [2] Nguyễn Văn Tu (1978), Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại, tái bản lần 1, Nxb Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978.
- [3] Hoàng Văn Hành et al., Từ tiếng Việt (hình thái – cấu trúc – từ láy – từ ghép – chuyển loại), Nxb Khoa học Xã hội, 1998.
- [4] Dirven, Réne, Conversion as a Conceptual Metonymy of Event Schemata, in Metonymy in Language and Thought, Klaus-Uwe Panther and Günter Radden (eds.), 275-287. Amsterdam and Philadelphia: J. Benjamins, 1999.
- [5] Kövecses, Zoltán and Radden, Günter, Metonymy: Developing a Cognitive Linguistic View, Cognitive linguistics 9-1, 37-77, 1998.
- [6] Plag, I. (2003), Word-formation in English, Cambridge University Press, Cambridge, 2003.
- [7] Bauer, L., Huddleston, R., “Lexical word-formation”, in Huddleston, R., Pullum, G.K., The Cambridge Grammar of the English Language, pp. 1621-1721, Cambridge University Press, 2002.